TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **526**/2023/DS-PT
Ngày: 28/4/2023
V/v Tranh chấp hợp đồng góp vốn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Văn Hiền.

Các Thẩm phán: Bà Phạm Thị Thảo

Ông Nguyễn Bá Thịnh

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Bùi Nguyễn Phương Ngân – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh: Bà Hoàng Thị Ngọc – Kiểm sát viên.

Trong ngày 28/4/2023, tại Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, đã mở phiên tòa xét xử công khai đối với vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số 113/2023/TLPT-DS ngày 09 tháng 3 năm 2023 về việc *"Tranh chấp hợp đồng góp vốn"*.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 93/2022/DS-ST ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1332/2023/QĐPT-DS ngày 21/3/2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông **Nguyễn Quốc T** – sinh năm 1960 (có mặt)

Địa chỉ: Số 386 N, Phường 4, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Bị đơn:* **Công ty TNHH MTV Tổng Công ty S**

Địa chỉ: Số 03 đường X, Phường 11, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Bá Đ (Có Đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Số 681/26/32 Q, Phường 11, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Theo Giấy ủy quyền số 1132/UQ-TS ngày 21/11/2022.

Do có kháng cáo của: Nguyên đơn ông Nguyễn Quốc T.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Ngày 11/3/2019, Công ty TNHH MTV Tổng Công ty S *(sau đây gọi tắt là Tổng Công ty S)* có Đơn đề ngày 10/01/2019 khởi kiện ông Nguyễn Quốc T tại Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh yêu cầu: Hủy Hợp đồng góp vốn đầu tư để nhận nền nhà xây dựng nhà ở số 2203B/HĐGV/07 ngày 22/3/2007 giữa ông Nguyễn Quốc T và Xí nghiệp Xây dựng và Kinh doanh Nhà – Công ty S – Bộ Q và đồng ý trả lại số tiền 504.000.000 đồng cho ông Nguyễn Quốc T.

Ngày 15/3/2019, Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè đã thụ lý vụ án nêu trên số 176/TLST-DS về việc "Tranh chấp hợp đồng góp vốn".

Ngày 18/11/2019, Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè đã ban hành Quyết định số 407/2019/QĐST-DS chuyển hồ sơ vụ án nêu trên cho Tòa án nhân dân Quận 3 với lý do: Nguyên đơn khởi kiện tranh chấp hợp đồng góp vốn, yêu cầu Tòa án giải quyết hủy hợp đồng và thanh toán với nhau số tiền góp vốn. Đối tượng tranh chấp là số tiền góp vốn. Mặt khác, bất động sản mà Nguyên đơn thỏa thuận với Bị đơn thuộc Dự án S 2, tại xã Phước Kiển, huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh nhưng hiện nay công tác bồi thường giải phóng mặt bằng chưa hoàn thành nên chưa hình thành dự án (bất động sản không tồn tại vị trí cụ thể). Do vậy, không thuộc trường hợp tranh chấp nơi có bất động sản, được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự về thẩm quyền của Tòa án nơi lãnh thổ mà thuộc thẩm quyền nơi cư trú của Bị đơn được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ngày 26/12/2019, Tòa án nhân dân Quận 3 có văn bản số 1409/2019/TAQ3 gửi Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè (kèm hồ sơ chuyển) với lý do: Tại Đơn khởi kiện và Hợp đồng góp vốn đầu tư để nhận nền nhà xây dựng nhà ở ngày 22/3/2007 thể hiện địa chỉ của Bị đơn ông Nguyễn Quốc T tại 553/5 Trần Hưng Đạo, phường Cầu Kho, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ đơn đề nghị của ông Lê Bá Đ – là người đại diện Công ty S – chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nơi Bị đơn cư trú nhưng tại hồ sơ không có văn bản xác minh thể hiện Bị đơn hiện đang cư trú tại 386 N, Phường 4, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh. Vì vậy, chưa đủ cơ sở xác định vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân Quận 3 nên Tòa án nhân dân Quận 3 chuyển hồ sơ cho Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè để giải quyết theo thẩm quyền.

Ngày 23/9/2020, Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè đã ban hành Quyết định số 224/2020/QĐST-DS chuyển hồ sơ vụ án đã thụ lý số 210/TLST-DS ngày 03/8/2020 về việc "Tranh chấp hợp đồng góp vốn" nêu trên cho Tòa án nhân dân Quận 3 với lý do: Tại Đơn khởi kiện, tại Văn bản số 475/TS-PCKT ngày 25/5/2018 về việc thông tin tiến độ triển khai thực hiện Dự án P 2 và các tài liệu chứng cứ kèm theo khác khi Nguyên đơn nộp đơn khởi kiện, Nguyên đơn xác định Công ty TNHH MTV Tổng Công ty S đang liên hệ với các cơ quan chức năng để được hướng dẫn và lập lại hồ sơ thực hiện dự án theo quy định pháp luật. Vì vậy hợp đồng góp vốn để nhận nền nhà ở tại huyện Nhà Bè giữa Công ty S và

ông T chưa được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt khi các bên giao kết nên không có đất để triển khai, không thực hiện được trên thực tế. Do vậy, các bên đương sự chỉ tranh chấp liên quan đến quyền, nghĩa vụ trong hợp đồng góp vốn, không tranh chấp liên quan đến bất động sản là quyền sử dụng đất và Nguyên đơn đề nghị chuyển vụ án về nơi Bị đơn cư trú để giải quyết các vấn đề về tiền vốn mà Bị đơn đã góp. Do đó, không thuộc trường hợp tranh chấp nơi có bất động sản, được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự về thẩm quyền của Tòa án nơi lãnh thổ mà thuộc thẩm quyền nơi cư trú của Bị đơn được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ngày 08/12/2020, Tòa án nhân dân Quận 3 đã thụ lý vụ án "Tranh chấp hợp đồng góp vốn" số 1235/TLST-DS với nguyên đơn Công ty TNHH MTV Tổng Công ty S và bị đơn ông Nguyễn Quốc T.

Ngày 22/02/2021, Tòa án nhân dân Quận 3 đã ban hành Thông báo (bổ sung) về việc thụ lý vụ án số 1235.1/TB-TLVA theo Đơn phản tố đề ngày 19/02/2021 của bị đơn ông Nguyễn Quốc T, với nội dung: "Đối với yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn là hủy toàn bộ Hợp đồng góp vốn đầu tư để nhận nền nhà xây dựng nhà ở số 2203B/HĐGV/07 ngày 22/3/2007 và trả lại cho ông số tiền đã đóng là 504.000.000 đồng thì ông đồng ý nhưng ngoài ra ông phản tố yêu cầu Tòa buộc Nguyên đơn là Tổng Công ty S phải đền bù thiệt hại cho ông số tiền 2.404.000.000 đồng và tiền phạt vi phạm hợp đồng là 75.600.000 đồng. Tổng cộng số tiền mà Tổng Công ty S phải trả lại cho ông là 2.984.000.000 đồng và ông sẽ cập nhật lại số tiền đền bù thiệt hại tại thời điểm thanh toán khi bản án có hiệu lực".

Ngày 13/4/2022, Công ty TNHH MTV Tổng Công ty S có Đơn rút yêu cầu khởi kiện đề ngày 08/4/2022, với lý do: Tổng Công ty S và ông Nguyễn Quốc T đã tự thỏa thuận thanh lý Hợp đồng góp vốn đầu tư để nhận nền nhà xây dựng nhà ở số 2203B/HĐGV/07 ngày 22/3/2007 theo Biên bản thanh lý hợp đồng góp vốn đầu tư để nhận nền nhà xây dựng nhà ở số 01/BBTL-2022/2203B/HĐGV/07 ngày 20/01/2022, ông T đã nhận lại toàn bộ số tiền góp vốn và tiền hỗ trợ thanh lý hợp đồng. Các bên đồng ý chấm dứt quyền và nghĩa vụ liên quan đến Hợp đồng góp vốn đầu tư để nhận nền nhà xây dựng nhà ở số 2203B/HĐGV/07 ngày 22/3/2007, không khiếu nại, khiếu kiện.

Ngày 18/4/2022, Tòa án nhân dân Quận 3 đã ban hành Thông báo (bổ sung) về việc thụ lý vụ án số 1235.2/TB-TLVA theo Đơn phản tố đề ngày 13/4/2022 của bị đơn ông Nguyễn Quốc T, với nội dung: "Rút lại yêu cầu tiền phạt vi phạm hợp đồng là 75.600.000 đồng; rút lại yêu cầu sửa Biên bản thanh lý hợp đồng ngày 20/01/2022; số tiền góp vốn 504.000.000 đồng thì ông đã nhận; Tiền bồi thường thiệt hại hợp đồng từ hợp đồng góp vốn thì Nguyên đơn chưa trả nên ông chỉ yêu cầu Tòa tuyên bố "Hợp đồng góp vốn đầu tư để nhận nền nhà xây dựng nhà ở số 2203B/HĐGV/07 ngày 22/3/2007" là vô hiệu; đồng thời buộc Nguyên đơn là Tổng Công ty S phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt

hại phát sinh từ "Hợp đồng góp vốn đầu tư để nhận nền nhà xây dựng nhà ở số 2203B/HĐGV/07 ngày 22/3/2007" cho ông với số tiền là 912.376.392 đồng.

Ngày 29/6/2022, Tòa án nhân dân Quận 3 đã ban hành Quyết định số 144/2022/QĐST-DS đình chỉ giải quyết toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn Tổng Công ty S theo Đơn rút yêu cầu khởi kiện ngày 13/4/2022, đã xử lý xong tiền tạm ứng án phí của Tổng Công ty S. Đồng thời đổi địa vị tố tụng của Nguyên đơn Tổng Công ty S thành Bị đơn và Bị đơn ông Nguyễn Quốc T thành Nguyên đơn.

**** Tại bản án số 93/2022/DS-ST ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh tuyên xử:***

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 266, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 422 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án (ban hành kèm theo);

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi, bổ sung một số điều năm 2014.

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu của ông Nguyễn Quốc T về việc:

- Tuyên bố "Hợp đồng góp vốn đầu tư để nhận nền nhà xây dựng nhà ở số 2203B/HĐGV/07 ngày 22/3/2007" là vô hiệu;

- Và đền bù thiệt hại do hợp đồng vô hiệu gây ra với số tiền 912.376.392 đồng.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Quốc T phải chịu 39.371.292 đồng. Tuy nhiên, do ông T là người cao tuổi, đã có đơn xin miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí và đã được Tòa án chấp nhận nên ông T được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm.

- Ngoài ra bản án còn tuyên quyền kháng cáo và thi hành án của các đương sự theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Nguyên đơn ông Nguyễn Quốc T, Đơn kháng cáo đề ngày 20/12/2022, nội dung kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

*** Tại phiên tòa phúc thẩm:**

- Nguyên đơn là người kháng cáo ông Nguyễn Quốc T trình bày:

Ông T xác nhận đã ký trên cơ sở tự nguyện với Công ty TNHH MTV Tổng Công ty S Biên bản thanh lý hợp đồng góp vốn đầu tư để nhận nền nhà

xây dựng nhà ở số 01/BBTL-2022/2203/HĐGV/07 ngày 20/01/2022, giao nhận đầy đủ tiền gốc đã góp là 504.000.000 đồng và tiền hỗ trợ khi thanh lý hợp đồng là 465.449.523 đồng, tổng cộng là 969.449.523 đồng. Nay ông T kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa án, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn về việc tuyên bố Hợp đồng góp vốn đầu tư số 2203B/HĐGV/07 ngày 22/3/2007 là vô hiệu; Buộc bị đơn Công ty TNHH MTV Tổng Công ty S phải bồi thường thiệt hại cho ông T số tiền là 912.376.392 đồng. Ông T có kháng cáo bổ sung yêu cầu bị đơn trả tiền lãi phát sinh của số tiền bồi thường thiệt hại theo lãi suất Ngân hàng.

- Bị đơn Công ty TNHH MTV Tổng Công ty S do ông Lê Bá Đông là người đại diện theo ủy quyền: Có Đơn đề nghị xét xử vắng mặt ngày 21/4/2023.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm: Những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm đã tuân thủ theo các quy định của pháp luật. Về hình thức đơn kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Quốc T trong hạn luật định nên hợp lệ. Về nội dung vụ án đề nghị: Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Quốc T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hình thức: Đơn kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Quốc T trong hạn luật định, đã nộp tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm theo quy định nên hợp lệ, được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về tố tụng:

Bị đơn Công ty TNHH MTV Tổng Công ty S do người đại diện theo ủy quyền ông Lê Bá Đ có Đơn đề nghị xét xử vắng mặt ngày 21/4/2023. Căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về nội dung:

Xét thấy, ngày 22/3/2007 ông Nguyễn Quốc T và Tổng Công ty S ký kết Hợp đồng góp vốn số 2203B/HĐGV/07. Ngày 20/01/2022, hai bên ký biên bản thanh lý hợp đồng góp vốn đầu tư để nhận nền nhà xây dựng nhà ở số 01/BBTL-2022/2203/HĐGV/07. Qua đó, ông T và Tổng Công ty S đã thỏa thuận Tổng Công ty S sẽ hoàn trả cho ông T toàn bộ số tiền mà ông T đã góp vốn cho Tổng Công ty S tính đến thời điểm ký biên bản thanh lý gồm: Tổng số tiền gốc đã góp là 504.000.000 đồng; tổng số tiền hỗ trợ cho ông T khi thanh lý hợp đồng là 465.449.523 đồng; tổng cộng là 969.449.523 đồng. Ông T đã nhận đủ tiền và đã

giao trả lại toàn bộ hồ sơ cho Tổng Công ty S gồm: Bản chính Hợp đồng góp vốn số 2203B/HĐGV/07; Bản chính Phiếu thu tiền; Biên bản bàn giao mã lô/căn hộ K34. Như vậy hợp đồng này đã chấm dứt hiệu lực theo sự thỏa thuận của hai bên (khoản 2 Điều 422 Bộ luật Dân sự năm 2015). Do hai bên đã tự ký biên bản thanh lý, hợp đồng góp vốn đã chấm dứt, không còn tồn tại nên ông T yêu cầu Tòa tuyên bố hợp đồng góp vốn vô hiệu và yêu cầu Tổng Công ty S phải bồi thường thiệt hại do hợp đồng vô hiệu với số tiền là 912.376.392 đồng là không có cơ sở.

Bên cạnh đó, ông T có kháng cáo bổ sung đòi tiền lãi phát sinh trên số tiền bồi thường thiệt hại theo lãi suất Ngân hàng. Xét thấy, theo khoản 2 Điều 284 Bộ luật Tố tụng dân sự: *"Trước khi bắt đầu phiên tòa hoặc tại phiên tòa phúc thẩm, người kháng cáo có quyền thay đổi, bổ sung kháng cáo…nhưng không được vượt quá phạm vi kháng cáo ban đầu…"* và Điều 293 Bộ luật trên quy định phạm vi xét xử phúc thẩm *"Tòa án cấp phúc thẩm chỉ xem xét lại phần của bản án sơ thẩm, quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm có kháng cáo…"*.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Quốc T là không có cơ sở để chấp nhận như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Các đương sự khác trong vụ án không kháng cáo, Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp và Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh không kháng nghị, do đó căn cứ quy định tại Điều 293 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, các quyết định khác của Bản án dân sự sơ thẩm số 93/2022/DS-ST ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh không bị kháng cáo, kháng nghị nên vẫn giữ nguyên.

[3] Về án phí: Do toàn bộ yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Quốc T không được chấp nhận nên ông T phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm, phúc thẩm. Tuy nhiên, ông T là người cao tuổi, đã có đơn xin miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí nên được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm, phúc thẩm.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ Điều 26, Điều 147, Điều 148, Điều 284; Điều 293; Điều 296; Khoản 1 Điều 308, Điều 313, Điều 315 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 422 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án (ban hành kèm theo);

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi, bổ sung một số điều năm 2014.

* Về hình thức: Đơn kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Quốc T trong hạn luật định được chấp nhận.

* Về nội dung: Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Quốc T. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 93/2022/DS-ST ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu của ông Nguyễn Quốc T về việc:

- Tuyên bố "Hợp đồng góp vốn đầu tư để nhận nền nhà xây dựng nhà ở số 2203B/HĐGV/07 ngày 22/3/2007" là vô hiệu;

- Và đền bù thiệt hại do hợp đồng vô hiệu gây ra với số tiền 912.376.392 đồng.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Quốc T được miễn nộp.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Quốc T được miễn nộp.

Các đương sự thi hành tại cơ quan thi hành án có thẩm quyền.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án dân sự, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND Tối cao tại TP.HCM;
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- TAND Quận 3;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Chi cục THA Quận 3;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trương Văn Hiền